# Vết thương của cái tôi hiện hữu trong thơ Trần Dạ Từ

**Bùi Quang Khải***
*Trường THCS-THPT Hồng Hà*
*Email: echip1986@gmail.com*
*Ngày nhận bài: 29/11/2022; Ngày sửa bài: 06/02/2023; Ngày duyệt đăng: 15/02/2023*

**Tóm tắt**

*Trần Dạ Từ là nhà thơ tiêu biểu trong văn học đô thị miền Nam giai đoạn 1954-1975. Ông đã đem đến cho thi ca một phong cách nghệ thuật độc đáo của cái tôi hiện hữu cô đơn và kiêu hãnh. Vì vậy, thơ Trần Dạ Từ có nét gần gũi với tư tưởng hiện sinh được thể hiện qua tập thơ đầu tay "Thủa làm thơ yêu em". Bài viết tập trung nghiên cứu vết thương của cái tôi hiện hữu trong thơ Trần Dạ Từ nhằm khám phá vẻ đẹp tâm hồn thi nhân trong sự giao thoa giấc mơ và hiện thực, giữa quá khứ và hiện tại, ở phương diện vết thương của mộng tình tan vỡ và vết thương trên hành trình dấn thân.*

***Từ khóa**: cái tôi hiện hữu, Trần Dạ Từ, vết thương, văn học đô thị miền Nam 1954-1975*

## The wound of the existing ego in Tran Da Tu poems

**Bui Quang Khai***
*Hong Ha Secondary School - High School*
*Correspondence: echip1986@gmail.com*
*Received: 29/11/2022; Revised: 06/02/2023; Accepted: 15/02/2023*

**Abstract**

*Tran Da Tu is a typical poet in Southern urban literature in the period 1954-1975. He brought to poetry a unique artistic style of the ego's proud and loneliness. Therefore, his first collection of poems "Thua lam tho yeu em" has closed to existential thought. The article focuses on studying the wound of existing ego in Tran Da Tu's poetry to discover the beauty of the poet's soul in the intersection of dreams and reality, past and present, in the wound of a broken love dream and the journey of commitment.*

***Keywords**: existing ego, Southern urban literature 1954-1975, Tran Da Tu, wound*

## 1. Mở đầu

Có thể nói sự vận động của thi ca Việt Nam là quá trình phát triển của cái tôi trữ tình. "*Cái tôi trữ tình là biểu hiện qua cách nhận thức và suy tư của chủ thể trước thế giới hiện thực; qua những điểm nhìn nghệ thuật, thể hiện tư tưởng, cá tính sáng tạo của người nghệ sỹ*" (Bùi Bích Hạnh, 2015: 22). Và như một sự tất yếu mang tính quy luật là hiện thực xã hội, bối cảnh văn hóa của từng giai đoạn lịch sử đã tác động đến sự thay đổi về quan niệm của *cái tôi trữ tình* trong thơ. Văn học Việt Nam giai đoạn 1954-1975 phát triển trong một bối cảnh lịch sử phức tạp. Sau hiệp khi định Genève (Thụy Sỹ) được ký ngày

* Nghiên cứu sinh ngành Văn học Việt Nam, Trường Đại học Văn Hiến
* Postgraduate student, Vietnamese Literature, Van Hien University

20/7/1954, đất nước ta tạm thời bị chia cắt thành hai miền Nam - Bắc. Vì thế, trong giai đoạn 1954-1975, văn học Việt Nam đã có sự phân hóa sâu sắc ở hai miền. Nếu như ở miền Bắc dưới sự lãnh đạo của Đảng, với một nền văn nghệ phục vụ cách mạng, kháng chiến, mang khuynh hướng hiện thực xã hội chủ nghĩa, thì văn học đô thị miền Nam trong giai đoạn này lại phát triển trong sự đa khuynh hướng, với sự tiếp nhận triết học hiện sinh trong sáng tác và lý luận phê bình. Chính sự tiếp nhận triết học hiện sinh trong sáng tác đã dẫn đến sự biến thiên của cái tôi trữ tình - *cái tôi hiện hữu* trong văn học đô thị miền Nam, đó là cái tôi của sự thức nhận về con người, về ý nghĩa của sự tồn tại bản thể mang phức cảm hiện sinh.

Thi ca đô thị miền Nam giai đoạn 1954-1975 là một dàn hợp xướng đa thanh của những cái tôi trữ tình độc đáo. Nếu như chúng ta có một Thanh Tâm Tuyền mang vẻ đẹp hiện đại với âm hưởng hợp xướng Tây phương, bao trùm bởi cái tôi hiện sinh, kiêu hãnh sống bên cạnh cuộc đời và con người đáng chán và buồn nôn; một "*Bùi Giáng đi vào thơ, luôn mang theo bên mình niềm ám ảnh của triết học để rẫy rụa trong đó với băn khoăn với ý thức siêu hình*" (Tạ Tỵ, 1971: 571); một Tô Thùy Yên mang dấu vết khảo cổ, nhân chủng học của một phương Đông huyền diệu, thần bí; một Nguyễn Bắc Sơn mang một hồn thơ khinh bạc của tâm tính con người bất lực trước sự tàn bạo của chiến tranh; một Du Tử Lê "*hóa giải muôn trùng định kiến, bay lên những đứt gãy thế cuộc lẫn đời riêng*" (Du Tử Lê, 2019: 10) thì ta lại có một Trần Dạ Từ trong sáng, tinh khôi của sự bừng nở và lụi tàn, để lại vết thương của cái tôi hiện hữu trong sự giao thoa giấc mơ và hiện thực, giữa quá khứ và hiện tại, sự tự vấn giữa sôi nổi thèm khát và hoài niệm.

**2. Vết thương của mộng tình tan vỡ**

Trong *Tựa nhỏ* tập thơ *Thủa làm thơ yêu em*, Trần Dạ Từ đã chia sẻ "*Đây là những bài thơ được viết khi tác giả còn mười bảy tuổi/ Mười bảy tuổi, mười bảy năm trước.../ Đây là tuổi của những cơn điên dại đầu đời, những thành phố xa lạ, những ngày tháng vô danh, những dừng chân không hẹn trước*" [1]. Có thể xem đây là khởi đầu cho hành trình thơ Trần Dạ Từ - sự khởi đầu cho những vết thương thân phận, để rồi ngự trị vĩnh hằng trên những vần thơ tình đã va đập đau đớn với đời. Thơ Trần Dạ Từ là sự ám ảnh bởi sự thăng hoa của tình yêu đầu đời, cùng với sự thay đổi không gian với những thành phố xa lạ, trong dòng chảy tâm thức của thời gian, của ngày tháng vô danh, đã chiếm lĩnh thế giới tâm tình thi nhân. Bởi Trần Dạ Từ không ngừng cảm nghiệm cuộc sống trong khát vọng của cái tôi hiện hữu, không ngừng bóc tách từng mảnh linh hồn trong niềm cô đơn bất tận, để sáng tạo riêng một cõi tự tình ca.

Tình yêu đó là tiếng gọi của những khát khao đòi hỏi chia sẻ, là tiếng kêu đau đớn của sự lẻ loi. Tình yêu bỗng trở thành một niềm tin cứu cánh, một thế giới diệu kỳ mà đấng tạo hóa ban cho loài người. Trong Trần Dạ Từ, tình yêu khởi đầu bằng tâm hồn mới lớn, rạo rực ban sơ nhưng để lại ấn tượng sâu đậm nhất trong dòng hoài niệm của con người. Tình yêu đến với Trần Dạ Từ trong một không gian thơ mộng của tuổi hoa niên:

*Lần đầu ta ghé môi hôn*
*Những con ve nhỏ hết hồn kêu vang*
*Vườn xanh, cỏ biếc, trưa vàng*
*Nghìn cây phượng vỹ huy hoàng trổ bông* [2]

Xúc cảm của nụ hôn đầu, của mối tình đầu bao giờ cũng gây ấn tượng mạnh mẽ vì thế nụ hôn đầu đời có sức sống vĩnh hằng

trước thời gian. Hình như trong mỗi chúng ta ai cũng có một thời xa vắng để nhớ về những cảm xúc non nớt, dại khờ "*Em biết không hờn tủi nụ hôn đầu/ Trong những lần mùa đông dài phố cũ*" [3]. Tuổi học trò đã qua đi nhưng kỷ niệm thì mãi còn hằn lên miền ký ức của thi nhân và nàng trong nỗi bâng khuâng tha thiết. *Tiếng ve, phượng vỹ, nụ hôn đầu, …* như nhắc nhở về một thời *huy hoàng* đã phai mờ bởi những năm tháng xa xôi "*Hôm nay chợt nhớ thương đời/ Tiếng ve vườn cũ rụng rời vai anh"* [4]. Nỗi đau về sự tan vỡ, chia xa cứ thao thức, *rụng rời*, ám ảnh trong mộng tình thương nhớ của nhà thơ:

*Cho tôi xin nửa bóng trăng ngoài*
*Với nửa mùa thu trong mắt ai*
*Lá rụng bao nhiêu hè phố cũ*
*Sao nghe lòng rưng rưng nhớ người* [5]

Tình yêu luôn là thực thể vĩnh cửu của sự tròn đầy, với Trần Dạ Từ tình yêu mất một nửa đã không còn là tình yêu. Vì thế người thơ luôn khao khát hướng đến một tình yêu trọn vẹn, cái tôi trữ tình không ngần ngại mà *xin nửa bóng trăng/ nửa mùa thu* để lấp đầy không gian trống vắng trong tâm hồn. Tâm thức hoài niệm về tình yêu trong mặc cảm chia ly, mất mát, lo âu luôn là tâm thức chung của nhiều nhà thơ miền Nam trước năm 1975 và thơ Trần Dạ Từ cũng không nằm ngoài quy luật ấy. Ta có một Vũ Hoàng Chương (1943) đau đớn trong tiếng kêu nhói lòng của sự cô đơn trong tình yêu, trôi theo suối nguồn của đau khổ, để rồi nhận ra "*Yêu sai lỡ để mang sầu trọn kiếp/ Tình mười năm còn lại mấy tờ thư"* (Lá thư ngày trước - Mây). Hay như một Nguyên Sa (1971) đến với tình yêu như một nguồn thương vô tận, nhẹ nhàng nhưng sâu sắc, dịu hiền nhưng tha thiết, vừa tinh khôi lại đầy mê hoặc "*Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát/ Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông/ Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng/ Thơ của anh vẫn con nguyên lụa trắng"* (Áo lụa Hà Đông) nhưng cũng buồn ảo ảnh, tuyệt vọng về sự mong manh, chia cắt "*Em chói sáng trong tình anh cô độc/ Cả cuộc đời mộng ảo nhớn bùng lên"* (Người em sống trong cô độc). Ta lại có một Bùi Giáng mang dư ba của sự ngông, quẫy đạp những giấc mơ trong niềm đau khắc khoải "*Anh về từ cuối nguyệt hoa/ Nhìn em như mộng mị xa xa dần/ Em đi sương bóng vô ngần/ Nhìn anh như ngó một lần người điên"* (Mộng). Mỗi thi nhân đều tìm thấy cho mình một nơi trú ngụ trong tình yêu, chiếm lĩnh một địa hạt trong thế giới tình yêu muôn màu muôn vẻ. Trần Dạ Từ lại đến với tình yêu trong thức cảm cô đơn, bơ vơ riêng, đó là sự chênh vênh trong cõi tình của thân phận con người:

*Trên tấm lưng nhớp nháp của sự thật*
*Những ham muốn lụi dần như mặt trời*
*Nàng sáng lên lần cuối rồi phụt tắt*
*Tôi vuốt ve tôi và liếm vết thương* [6]

Ý thức yêu của Trần Dạ Từ đã vượt ra khỏi cái tôi hiện hữu bé nhỏ. Xúc cảm âu lo trong tình yêu sẽ giúp thi nhân tìm ra ý nghĩa sự tồn tại bản thể, thoát ra khỏi mình mà nhìn lại, mà *tôi vuốt ve tôi*, mà suy ngẫm, tự vấn bản thân, mà *liếm vết thương* đời. Bi kịch về sự đổ vỡ trong tình yêu khiến con người tổn thương nhưng lại tạo lên khát vọng thanh lọc tâm hồn cho nhà thơ. Đó là nỗi niềm của cái tôi ưu tư luôn băn khoăn của Trần Dạ Từ trước cuộc đời mỏng manh nhưng rát bỏng. Cái tôi trữ tình ấy luôn ca hát về tình yêu chân thành "*Anh vẫn bước đi và anh vẫn hát/ Anh hát tình yêu ta/ Những đớn đau sửng sốt/ Từng đầy đọa em"* [7]. Phản ứng của nhà thơ trước sự đổ vỡ không phải là sự đoạn tuyệt không hy vọng mà lại là sự khát khao khám phá, trải nghiệm sâu sắc hơn vẻ đẹp của đời, của

người. Kiếp người trong thức nhận của thi sĩ là hư vô, thân phận con người thật nhỏ bé và đến tận cùng của nỗi đau Trần Dạ Từ mới thật sự chạm vào trầm tích của cõi lòng "*Chiều sương dày bốn phía/ Lòng anh mấy ngã ba/ Tiếng đời đi rất nhẹ/ Nhịp sầu lên thiết tha"* [8]. Bởi thế vẻ đẹp tình yêu trong thơ Trần Dạ Từ luôn mang hương vị quen thuộc của âm hưởng Đông phương huyền diệu như khởi nguồn, ngự trị từ trong vô thức:

*Tiếng ca buồn ôi tiếng hát xuân xanh*
*Ta vẫn đợi trong những chiều rét mướt*
*Thủa ta về, giấc mơ nào dịu ngọt*
*Bước chân nào ngây ngất mãi bên nhau* [9]

Khát vọng yêu của con người là hành trình của sự vô biên, thi nhân luôn mong muốn đạt được sự tuyệt bích, vẹn toàn. Giấc mơ tình yêu *dịu ngọt*, bước chân tình nhân *ngây ngất* của những đam mê yêu dấu một thời. Vị *dịu ngọt* ấy mang màu sắc của sự nuối tiếc "*đồng thời là màu rực sáng nhưng lại chóng phôi pha khi con người ta lớn khôn, lưu lạc phương trời thì một miền ký ức cũ dễ chìm đâu đó trong trầm tích yêu*" (Lê Huy Bắc, 2019: 146). Rõ ràng, với Trần Dạ Từ, hạnh phúc không phải là những gì cao xa hay ảo tưởng xa vời mà là những điều rất gần gũi, giản dị mà nhiều người có thể tìm thấy được. Sau *tiếng hát xuân xanh*, những *chiều rét mướt,* Trần Dạ Từ thấy hạnh phúc khi bắt gặp *giấc mơ dịu ngọt*. Trên những nẻo đường dấn thân cái tôi mang thân phận lưu đày luôn gặp những đổ vỡ bởi những rào cản của kiếp tha nhân. Thi sĩ hiểu được quy luật ấy mà cái tôi bơ vơ, tội nghiệp tự dối lòng mình để được sống với *giấc mơ em*:

*Tôi dối lòng tôi đêm sắp tàn*
*Đêm tàn để lạnh giấc mơ em*
*Để bàn tay gối sầu lên ngực*
*Và gió thu đầy trong mắt trăng* [10]

Nỗi niềm mặc cảm phôi pha trong tình yêu của Trần Dạ Từ đã hằn sâu trong tâm thức tự bao giờ, để rồi mở ra trong thơ một bản thể cô đơn hiện hữu, *bàn tay gối sầu lên ngực* trong tiềm thức đã khơi dậy bao ý tình vũ bão trong cõi lòng thi nhân. Hình ảnh *gió thu đầy trong mắt trăng* như là biểu tượng cho những đam mê mãnh liệt, muốn sống trọn một đời với tình yêu vĩnh cửu. Con thuyền tình dù có đi qua bao bão táp, sóng gió của biển đời rồi cũng sẽ trở lại bến hoang sơ mà khát khao đồng vọng "*Làm sao tìm nhau làm sao chờ nhau/ Làm sao nhìn nhau làm sao thương nhau"* [11]. Trần Dạ Từ nhìn sâu vào khoảng lặng trống vắng, cô đơn mà bơ vơ giữa thực tại, để rồi thi nhân giải bày những uẩn khúc âu lo của tình yêu bằng những điệp khúc tha thiết. Trên hành trình đi tìm khát vọng tình yêu của thi sĩ trẻ như một cuộc phiêu du trên những nẻo đường ký ức:

*Khi trở lại sầu sui đầy tháng hạ*
*Chuyện trưa chiều mang kể đớn đau luôn*
*Đường mía xưa thôi ngọt vị linh hồn*
*Hoa cánh dại đã lên đầy mặt cỏ*
*...*
*Khi trở lại lòng anh là nghĩa địa*
*Bao nhiêu mồ kỷ niệm khắc tên em* [12]

Hành trình của Trần Dạ Từ đã bao lần ra đi và cũng đã bao lần trở lại dù chỉ là sự trở lại trong tâm thức của hoài niệm: *Tháng hạ, đường mía xưa, hoa cánh dại, …* những chứng nhận trước thời gian đã mất, đã nhạt mờ lên từng mảnh *linh hồn* đang phân rã đớn đau, cho cõi lòng thi nhân giờ chỉ còn là *nghĩa địa* hoang phế cùng với những nấm *mồ kỷ niệm*, để rồi chỉ còn lại sự im lặng đến kinh hoàng tê tái "*Một vòng hoa đặt xuống đời anh/ Rồi cỏ mọc lên không nói gì"* [13]. Trong vô vàn những bộn bề của cuộc sống thường nhật, tình yêu luôn gợi về một cái gì rất thanh khiết, nhẹ nhàng. Tình yêu mãi là

cảm tự nhiên của mỗi con người, riêng tư bởi lẽ ở mỗi người, tình yêu mang những sắc thái riêng không trộn lẫn. Có thể nói nỗi niềm hoài niệm về âm vang chia lìa của những mảnh tình bao giờ cũng mang đến cho Trần Dạ Từ sức mạnh nội tâm. Tiếng thơ của thi nhân được hoài thai trong nỗi cô đơn của sáng tạo, để rồi thanh luyện tâm hồn người thơ mà hướng đến sự tương giao, đồng hiện với thế giới huyền nhiệm của thi ca.

**3. Vết thương trên hành trình dấn thân**

Đông Hồ (1967) quan niệm "*Thơ là mộng trong mộng. Mộng đã khó bắt gặp được, huống còn là mộng trong mộng nữa, thì càng khó bắt gặp biết bao*". Cao Thế Dung cho rằng "*Thi ca luôn luôn như tiếng hát trở về cùng với thao thức phù sinh. Thi ca ở mức độ an nghỉ cuối cùng mang trọn vẹn kiếp người. Thi ca sẽ lấp cho đầy khoảng trống trơn giữa ảo ảnh hư vô, đơn côi và vô vọng*" (Cao Thế Dung, 1969: 7). Vì thế, hiện thực và ảo ảnh, mộng và đời luôn là giao điểm của thơ ca. "*Thơ phải chăng là dòng sông vắt mình qua hai bờ hư thực*" (Trần Hoài Anh, 2010: 108). Nếu như Tạ Tỵ cho rằng "*Thơ Nguyên Sa toát ra sự mong manh, rạn vỡ ngay cả trong hy vọng đợi chờ*" (Tạ Tỵ, 1970: 255) thì thơ Trần Dạ Từ là những khoảng lặng giữa tình yêu và cuộc đời, giữa lãng mạn và hiện thực, để rồi lắng sâu từng khoảnh khắc, dệt thành áng cầu vồng của sắc màu hy vọng. Đọc thơ Trần Dạ Từ, ta thường hay bắt gặp những vết thương trên hành trình dấn thân từ những góc phố, lối đi nhỏ, con đường nhỏ in dấu chân của tình nhân, của những tháng ngày không tên không tuổi. Có lẽ không gian hiện thực đã trở về trong không gian của tâm tưởng "*không gian cũng như thời gian được con người tri giác và thể nghiệm ở mỗi thời mỗi khác. Nhà thơ vận dụng chúng như hình thức để cắt nghĩa nội dung cuộc sống và tâm trạng con người; để xây dựng bức tranh thế giới*" (Hồ Thế Hà, 2004: 120).

*Giờ đã xa lắm rồi những chiều hôm ra biển*
*Trông sóng đùa trên bãi*
*Lối đi này thôi đã cỏ may hoang*
*Thay cho dấu chân thời thơ dại* [14]

*Lối đi này* bỗng hiện hữu trở về trong thời khắc của hiện tại, hồi âm của *giờ đã xa lắm* để rồi Trần Dạ Từ nuối tiếc khôn nguôi trước những đổi thay, những tàn phai của *thời thơ dại*, chỉ còn *cỏ may hoang*. Thế giới thơ của thi sĩ là trăm ngàn *dấu chân* đi qua "*Phố chiều gió lộng bàn tay/ Ru anh về với đôi ngày lãng quên"* [15]. Có lẽ Trần Dạ Từ sợ sự *lãng quên*, những hình ảnh thân thương một đời sẽ nhuốm màu thời gian mà chìm vào vùng quên lãng "*Lòng vắng như ngày tháng/ Đen tối vùng lãng quên"* [16]. Vì thế mà không ngẫu nhiên thơ Trần Dạ Từ nhắc đến mặt trời, mùa hè, mùa nắng, bông phượng, con đường, hè phố, chân tường, sự lấp lánh, và chúng không phải là những vật trang sức mà chính là linh hồn của thế giới mà ông đi qua, đẹp nhưng sẽ mất. Có thể nói những hình ảnh của sự vật, hiện tượng của đời thực được khảm vào trong không gian suy nghiệm của tâm tưởng là một hệ thống ký hiệu tiêu biểu trong thơ Trần Dạ Từ, những hình ảnh đó mang giá trị biểu cảm cao, gắn liền với tâm thức hoài niệm của con người - có thể gọi đó là *ký hiệu của hoài niệm*. Vì ký hiệu không chỉ giới hạn ở các dạng thức ngôn ngữ mà còn mở rộng tất cả các phạm trù khách quan của tác phẩm "*Con người là một ký hiệu, chữ cũng là một ký hiệu và thời gian cũng là một ký hiệu*" (Lê Huy Bắc, 2019: 193).

*Một thành phố bật sáng trong tâm hồn*
*Cùng với một lời hứa vô vọng*
*Ở đó, em dịu dàng đi đứng, anh tưởng tượng*
*Thành phố huy hoàng*
*Em, bóng loáng* [17]

Quá khứ đẹp, huy hoàng hiện về trong tâm tưởng thi nhân. Đã đi qua bao nhiêu thành phố, bao con đường bão vọng để rồi *bật sáng* trong hồn thơ hình dáng em - *bóng loáng* bên thềm ký ức của những giấc mơ *tưởng tượng*. Hiện thực và ảo mộng cứ vậy đan xen trở thành ký hiệu thẩm mỹ đa nghĩa trong thơ Trần Dạ Từ. Ký hiệu những biểu tượng được sử dụng lại mang tính đa nghĩa tùy theo cách hiểu của người đọc có thể bổ sung thêm nhiều trường nghĩa mới. Những ký hiệu như *thành phố, con đường, em, phượng vỹ, mùa hè, …* lập tức "*được vận về trong tâm thức người đọc và bằng kinh nghiệm cá nhân, kết hợp chúng trong ngữ cảnh thơ, ngữ cảnh tiếp nhận cụ thể*" (Lê Huy Bắc, 2019: 182). Từ đó người đọc suy nghiệm, thấu hiểu tâm tình thi sĩ cũng như đồng cảm tương ứng, người đọc hình như cũng tìm thấy bóng dáng đời mình trong đó. Có lẽ giá trị của thơ ca chính là làm *bật sáng trong tâm hồn* người đọc bằng những hoài niệm xa xưa:

*Biết còn ai gọi đến tên anh*
*Bông hoa cúc đầu mùa hè bé bỏng*
*Mái tóc cắt đi*
*Trang nhật ký nhòe giữa hai giòng cuối tháng*
*Bài thơ nhỏ mặt bàn*
*Lần áo mỏng đầu tiên với một cành hoa phượng*
*Nói yêu em* [18]

Hồn thơ Trần Dạ Từ là tiếng nói đa thanh, thế giới thơ luôn rộng mở, ở đó cái tôi trữ tình tự do bày tỏ nhiều cung bậc cảm xúc đan xen cũng như chiều sâu tư tưởng. Từ màu sắc suy nghiệm, giọng điệu thơ Trần Dạ Từ pha thêm sắc thái tự vấn - chất vấn, đó là sự phát triển hợp quy luật tâm lý của cái tôi trữ tình đa tầng:

*Tại sao mặt trời chọn tôi để rực rỡ*
*Tại sao mặt trăng đã chọn tôi để tình tứ*
*Tại sao những vì sao đã chọn tôi để long lanh*
*Tại sao những bông hoa chọn tôi để nở*
*Và tại sao*
*Trong giấc mơ ở mãi cuối trời kia*
*Cả em cũng chọn tôi để nhớ* [19]

Điệp khúc *tại sao* cứ thế vang động trong cõi hồn thi nhân, với tất cả sự thèm khát một lời đáp trong vô vọng. Nỗi khắc khoải yêu thương, hiến dâng trong trái tim người thi sĩ trẻ mới mười bảy, mười tám tuổi hình như không có giới hạn. Trần Dạ Từ sẵn sàng mở rộng tấm lòng mà chia sẻ, đón nhận hạnh phúc, khổ đau, nụ cười và cả nước mắt:

*Rồi điếu thuốc cuối cùng cũng lụi dần*
*Không còn khói trên tay, không còn lửa trên môi*
*Tôi lạnh lẽo nằm nghe mình biến mất*
*Em đã từng phiêu du ngoài hư không*
*Em thấy chăng*
*Giọt lệ ấy bây giờ chưa tới đất* [20]

Có lẽ Trần Dạ Từ trên hành trình dấn thân đã thấu hiểu kiếp nhân sinh nhỏ bé, mỏng manh, lạnh lẽo *nằm nghe mình biến mất* trong vũ trụ rộng lớn. Con người chỉ là một đốm lửa một ngày kia sẽ *lụi dần* "*Chính vì mặc cảm cô đơn nên con người cảm thấy nhỏ bé trước rộng lớn của Vũ Trụ. Sự hiện hữu nào đó có nghĩa là đối với Sa-Mạc-Hư-Vô? Con người sợ Hư Vô nhưng vẫn muốn tìm hiểu Hư Vô là cái gì mà khiếp đảm thế*". (Tạ Tỵ, 1971: 566). Năm tháng qua đi, cuộc đời cũng biến chuyển, vận động không ngừng. Thời gian bồi đắp lên những giá trị mới và đồng thời cũng làm già cỗi đi những mầm sống, phai tàn đi vẻ đẹp non tơ của đời. Từ thiên nhiên tạo vật đến con người, tuổi trẻ và tình yêu đều chịu tác động bởi quy luật ấy. Trần Dạ Từ đã không khỏi xót xa, cay đắng dù đã cố gắng đi tìm cho mình những nguồn sống mới để thắp lên ngọn lửa vĩnh cửu nhưng ở cõi vô thường, *hư không* thì không có gì là vĩnh viễn.

**4. Kết luận**

Trần Dạ Từ đến với thi ca với khát

vọng hiện hữu trên hành trình dấn thân. Đọc thơ Trần Dạ Từ trước năm 1975 ta bắt gặp một cõi tự tình ca của tuổi hoa niên, *thủa làm thơ yêu em* với những xót xa ly biệt. Có thể nói Trần Dạ Từ đã đem đến cho thi ca miền Nam giai đoạn 1954-1975 một nguồn thơ trong sáng phảng phất hơi thở của chủ nghĩa hiện sinh. Vết thương của cái tôi hiện hữu trong những năm tháng mới vào đời đã thúc đẩy thi nhân ý thức sâu sắc về bản thể, vừa phủ nhận, vừa tin tưởng trong nỗi niềm bất an, hoài nghi. Trong trái tim Trần Dạ Từ là sự ngự trị của những vết thương cuộc đời, ám ảnh bởi niềm cô đơn, mất mát, chia lìa. Những mảnh tình bơ vơ của những bước chân không hẹn ước cùng với năm tháng thanh xuân đã để lại trong thơ Trần Dạ Từ một khoảng không gian đầy tiếc nhớ. Ở đó, mỗi dòng ký ức đều được lưu giữ, nâng niu và trân trọng. Để rồi sau này dù thời gian đằng đẵng, không gian xa xôi nhưng chỉ cần một sự gợi nhắc bất chợt, Trần Dạ Từ thêm lần đập cửa thiếu thời, quá khứ lung linh ấy lại ùa về xao động, tha thiết như trời mây trở lại ngân nga trong tâm hồn con người. Và chính những điều ấy đã góp phần khẳng định sức hấp dẫn cũng như vẻ đẹp riêng của thơ Trần Dạ Từ trên thi đàn miền Nam giai đoạn 1954-1975.

**Đạo đức công bố**

Tác giả đảm bảo các chuẩn mực chung về đạo đức nghiên cứu và công bố khoa học.

**Chú thích**

[1] Trần Dạ Từ (1971). Nụ hôn đầu. In trong *Thủa làm thơ yêu em*. Sài Gòn, Nxb Thương yêu, 7.

[2] [4] Nụ hôn đầu. Sđd, 19.

[3] [9] Ngự trị. Sđd, 34.

[5] [10] Khi em mười sáu. Sđd, 27.

[6] Dạ khúc năm. Sđd, 97.

[7] Khi trở lại Huế. Sđd, 62.

[8] Thủa làm thơ yêu em. Sđd, 16.

[11] Bước đi. Sđd, 88.

[12] Thơ viết ở Sơn Trung. Sđd, 47.

[13] Dạ khúc hai. Sđd, 90.

[14] Như trời ngày trở lại. Sđd, 53.

[15] Bài ru. Sđd, 61.

[16] Thơ cũ của nàng. Sđd, 65.

[17] Dạ khúc sáu. Sđd, 98.

[18] Một mùa hạ. Sđd, 111.

[19] Tự tình ca. Sđd, 134.

[20] Những ngày xa Huế. Sđd, 129.

**Tài liệu tham khảo**

Bùi Bích Hạnh (2015). *Thơ trẻ Việt Nam 1965-1975.* Hà Nội, Nxb Văn Học.

Cao Thế Dung (1969). *Thi ca và thi nhân.* Sài Gòn, Nxb Xuân Quý.

Du Tử Lê (2019). *Khúc Thụy Du.* Hà Nội, Nxb Hội Nhà văn.

Đông Hồ (1967). Cảm xúc thành thi. *Tạp chí Văn*, 14.

Hồ Thế Hà (2004). *Thế giới nghệ thuật thơ Chế Lan Viên.* Hà Nội, Nxb Văn học.

Lê Huy Bắc (2019). *Ký hiệu và liên ký hiệu.* Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên Sa (1971). *Thơ Nguyên Sa*. Sài Gòn, Nxb Gió.

Tạ Tỵ (1970). *Mười khuôn mặt văn nghệ.* Sài Gòn, Nxb Kim Lai Ấn Quán.

Tạ Tỵ (1971). *Mười khuôn mặt văn nghệ hôm nay.* Sài Gòn, Nxb Lá Bối.

Trần Dạ Từ (1971). *Thủa làm thơ yêu em.* Sài Gòn, Nxb Thương yêu.

Trần Hoài Anh (2010). *Thơ quan niệm và cảm nhận.* Hà Nội, Nxb Thanh niên.

Vũ Hoàng Chương (1943). *Mây*. Hà Nội, Nxb Đời nay.